

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Ngày 30/06/2025	600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	-

DT thuần Q2/25
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03 -52.0%
YoY: ▼34.0 -99.9%

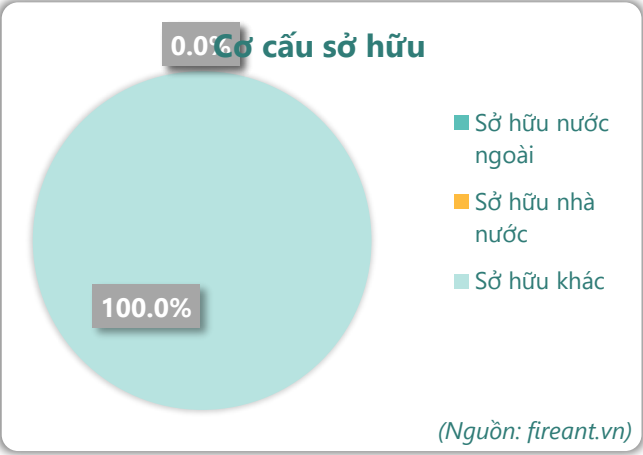
LN thuần Q2/25
-13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.8 -2418%
YoY: ▲ 28.7 68.2%

LN sau thuế Q2/25
-13.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.9 -2272%
YoY: ▲ 28.5 67.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-56336%
YoY: +/-▼ 55215%

ROE (TTM) Q2/25
-30.8%
YoY: +/-▲ 5.4%

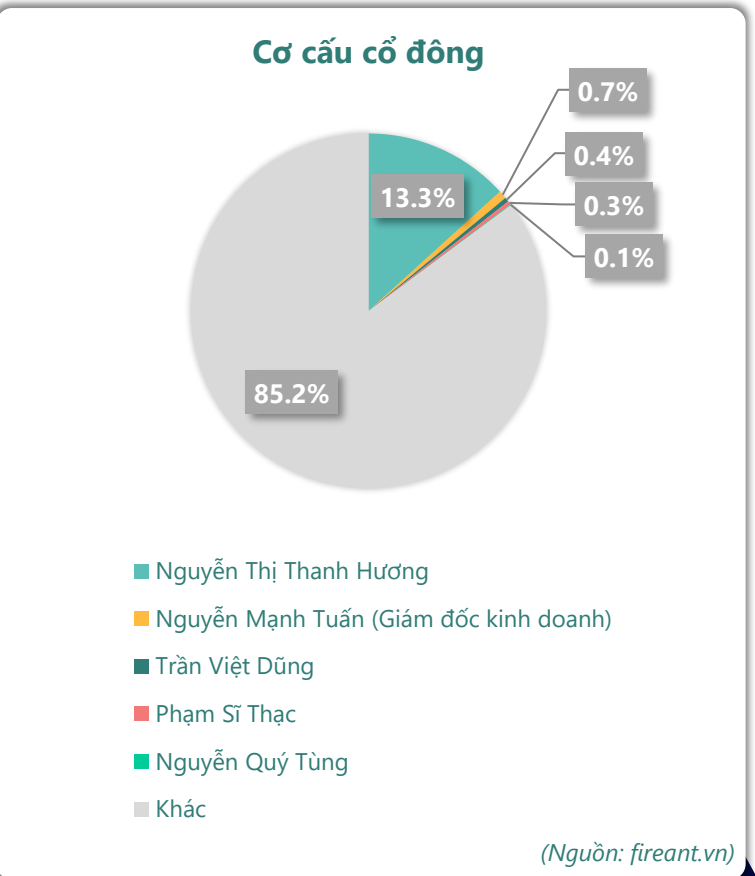
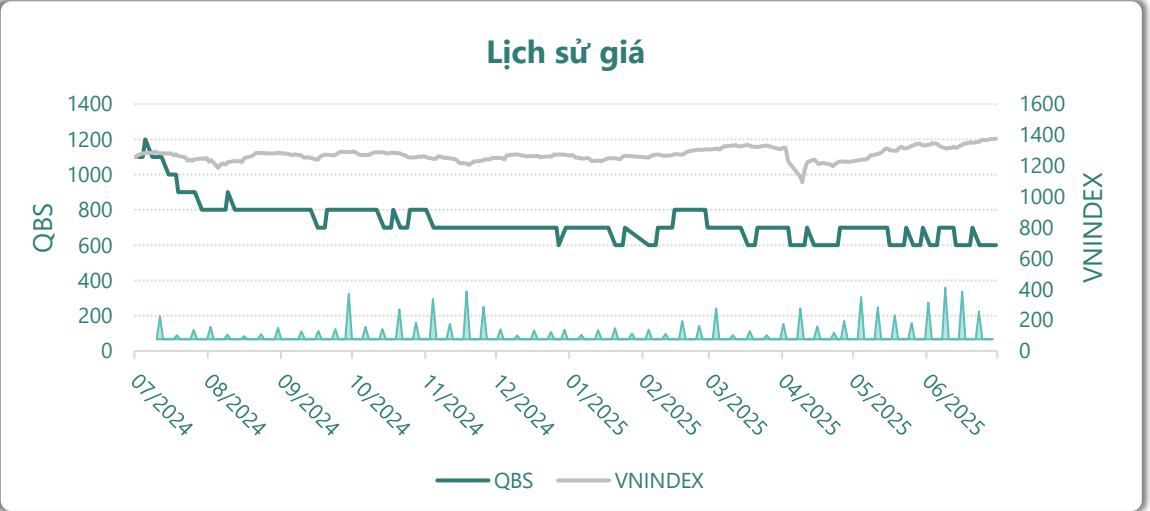
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	69,329,928
KLGD BQ 20 phiên (CP)	102,680
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.10
EPS	-1,522
P/E	-0.4



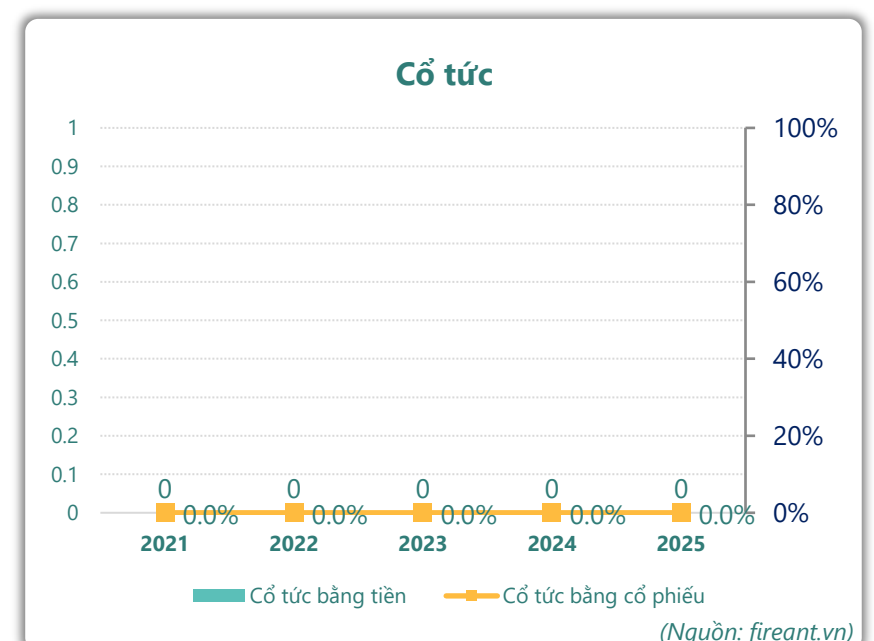
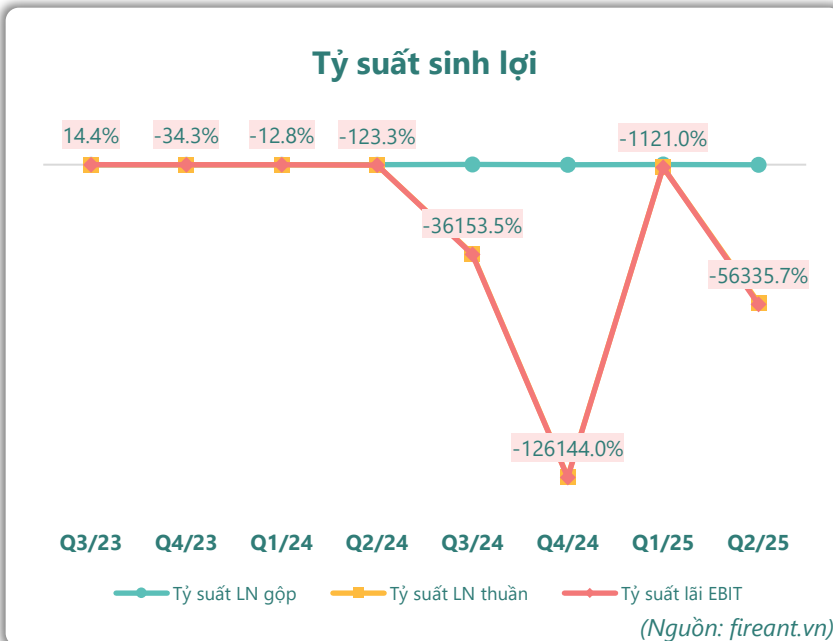
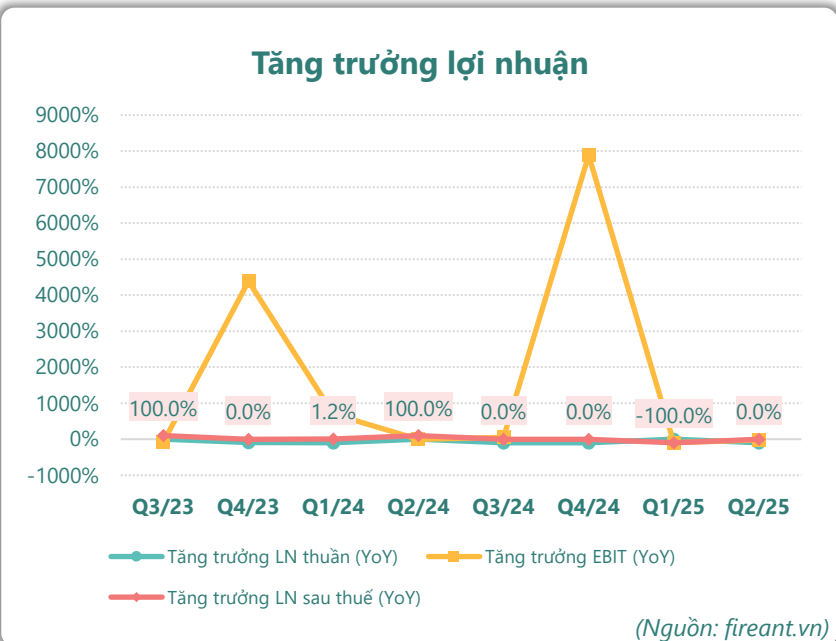
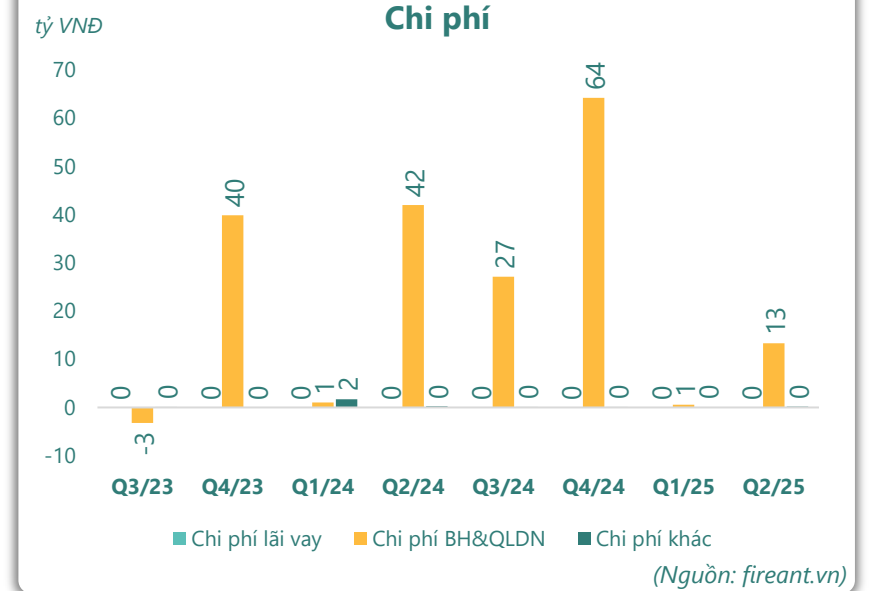
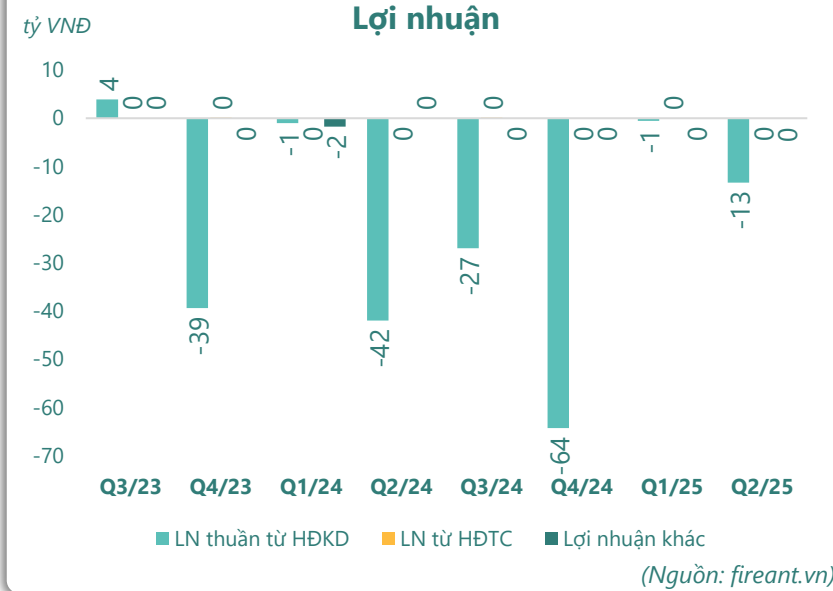
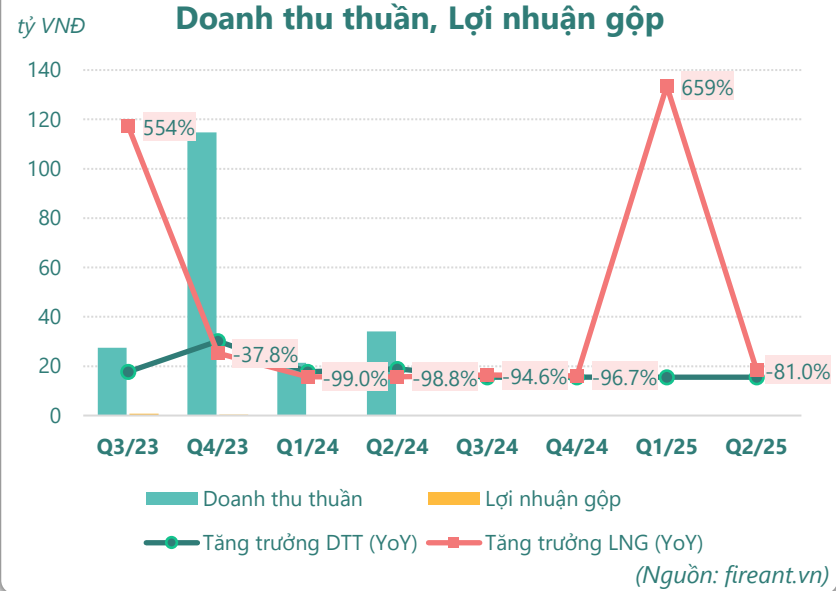
DT thuần 6T 2025
0.08
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.3 -99.9%

LN thuần 6T 2025
-13.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.1 67.7%

LN sau thuế 6T 2025
-14.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.9 71.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH



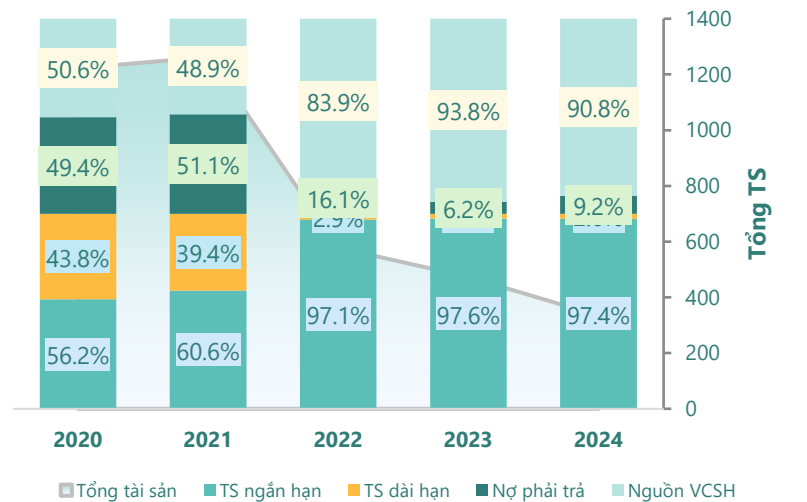


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

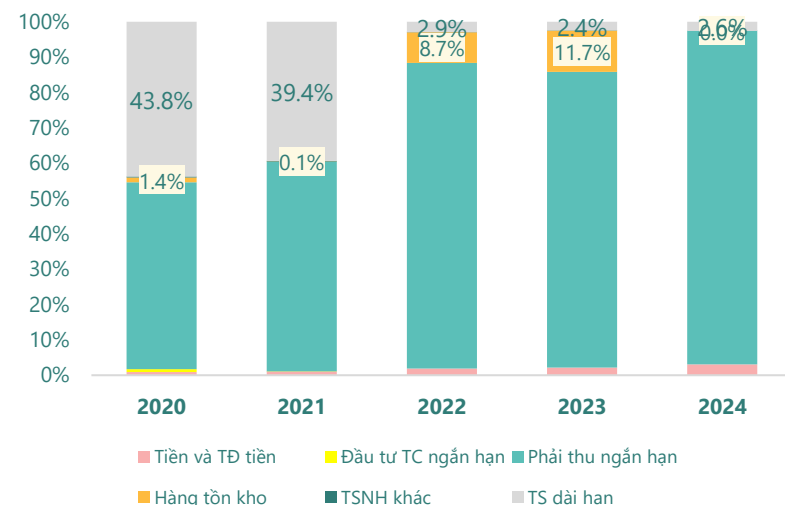
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

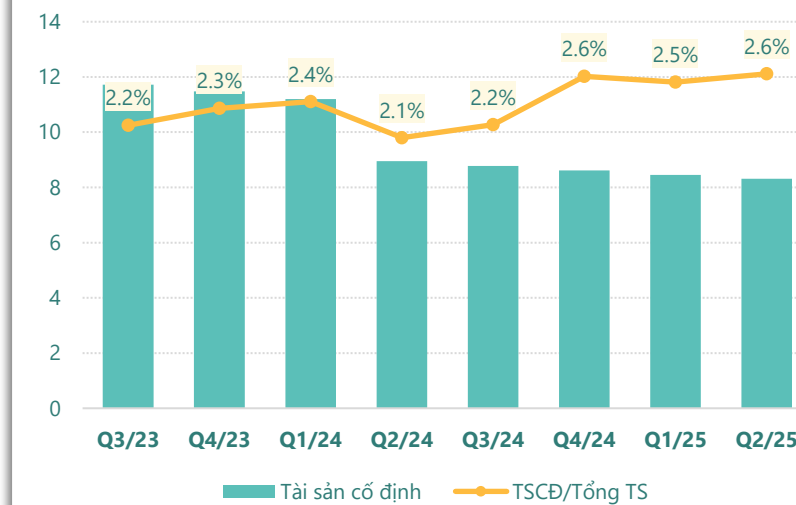
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

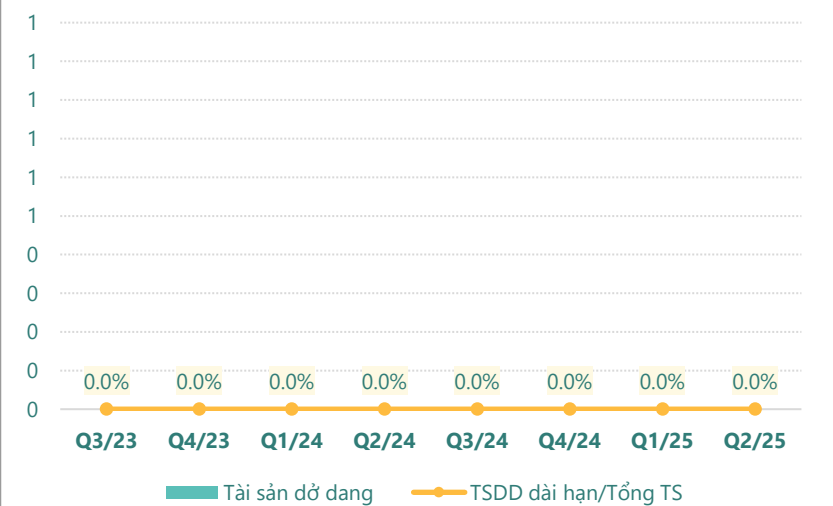
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

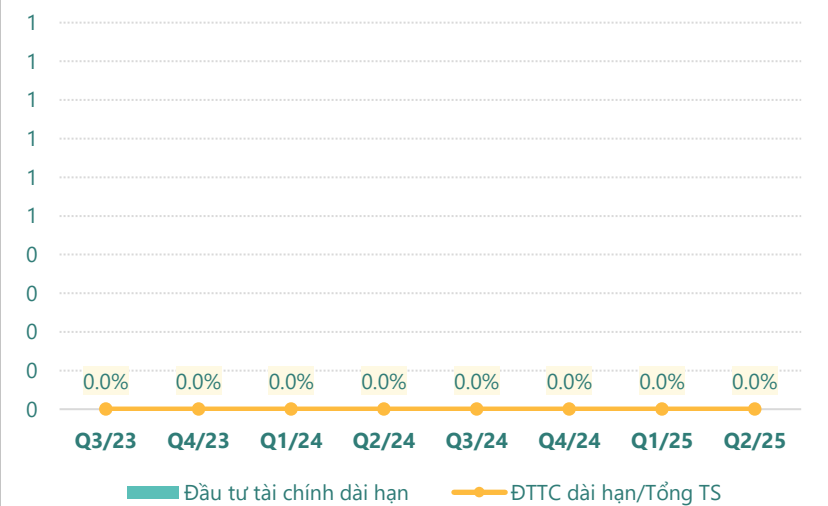
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

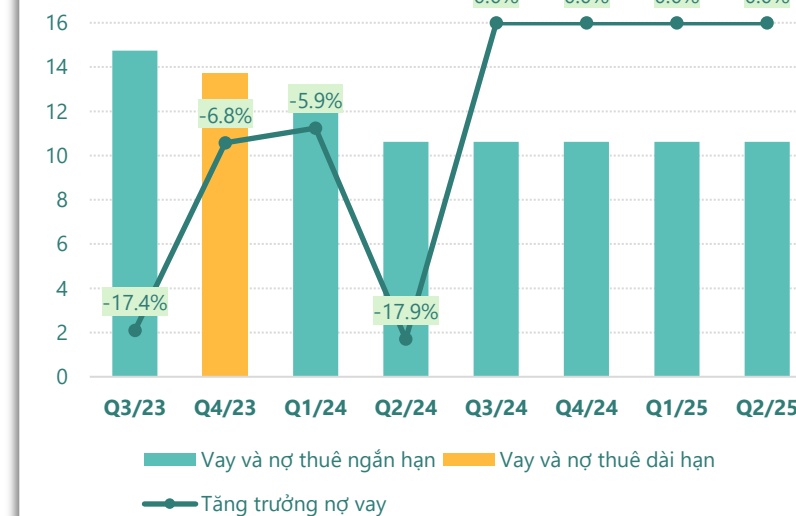
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

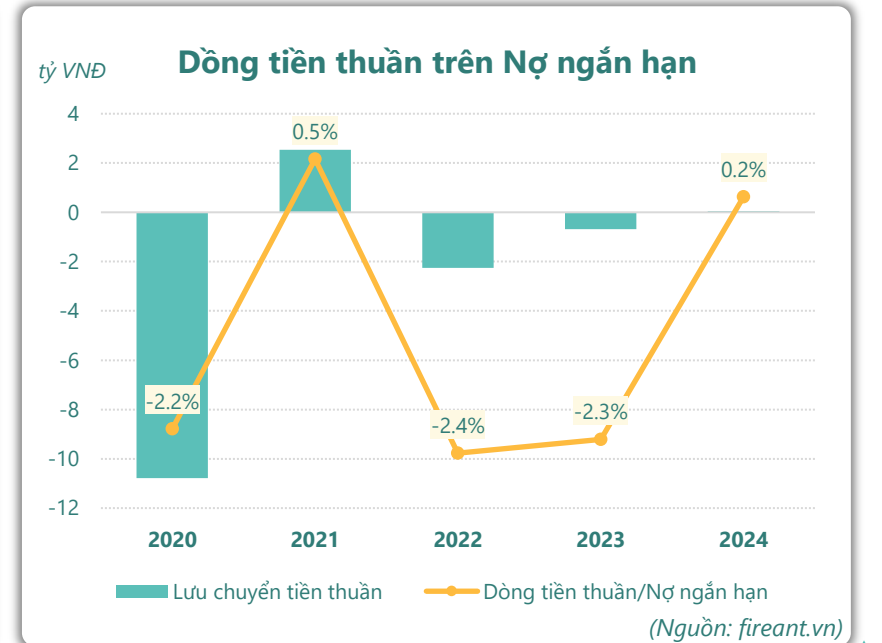
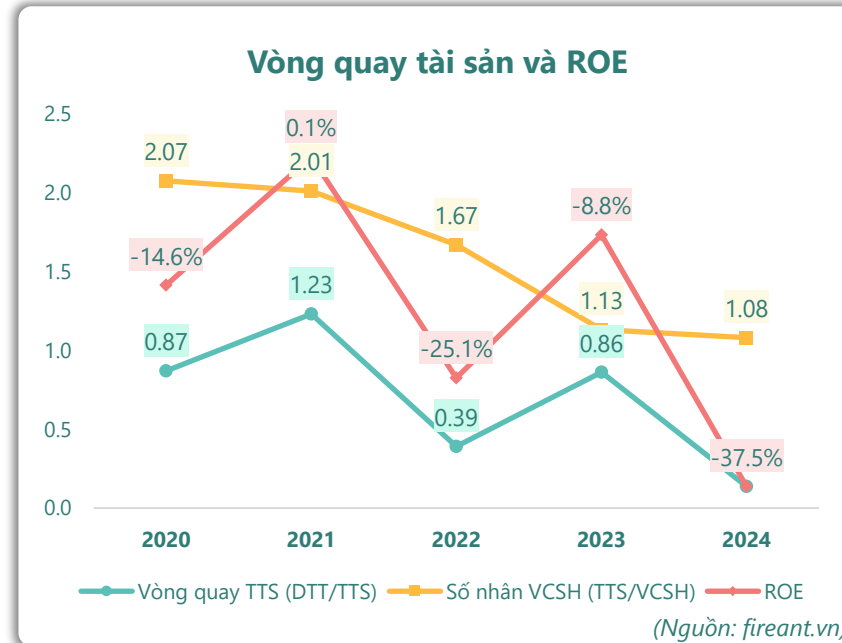
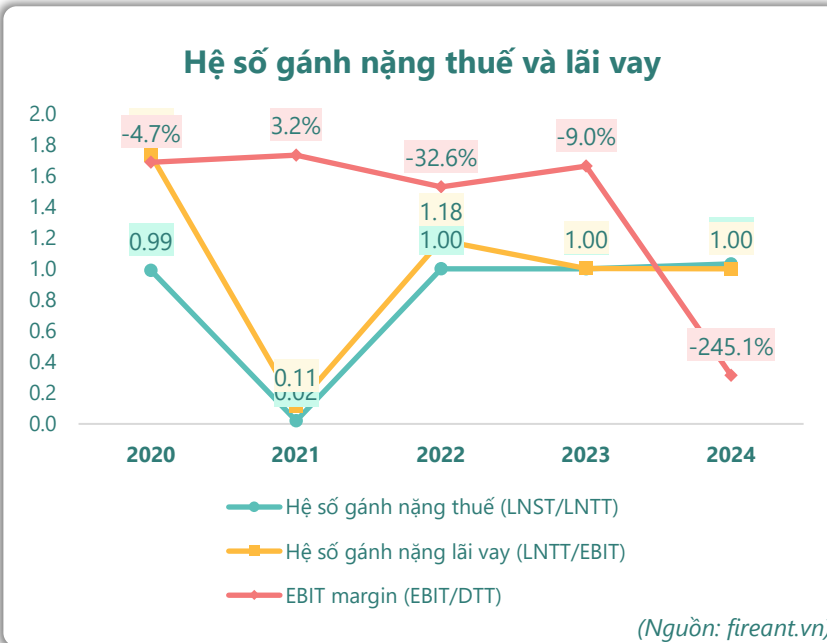
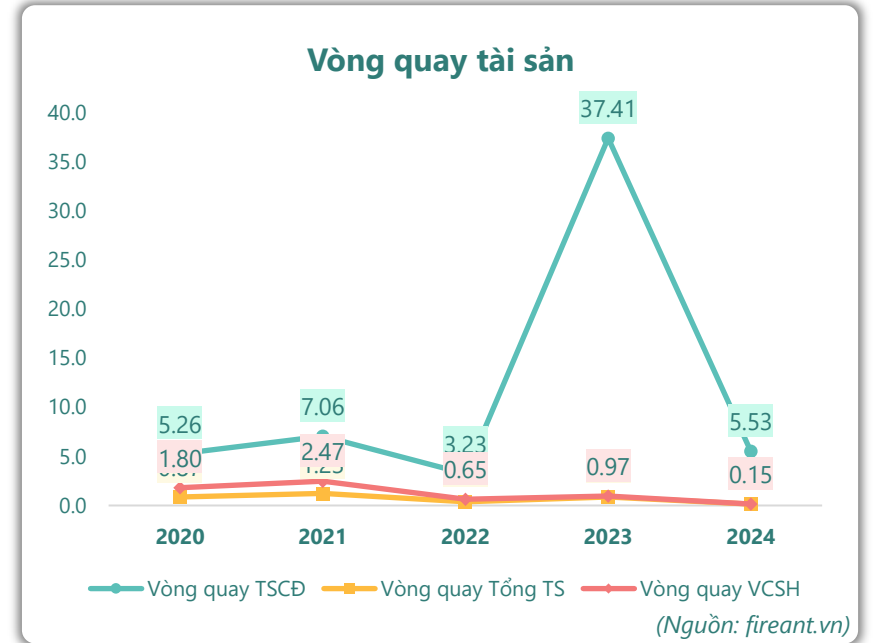
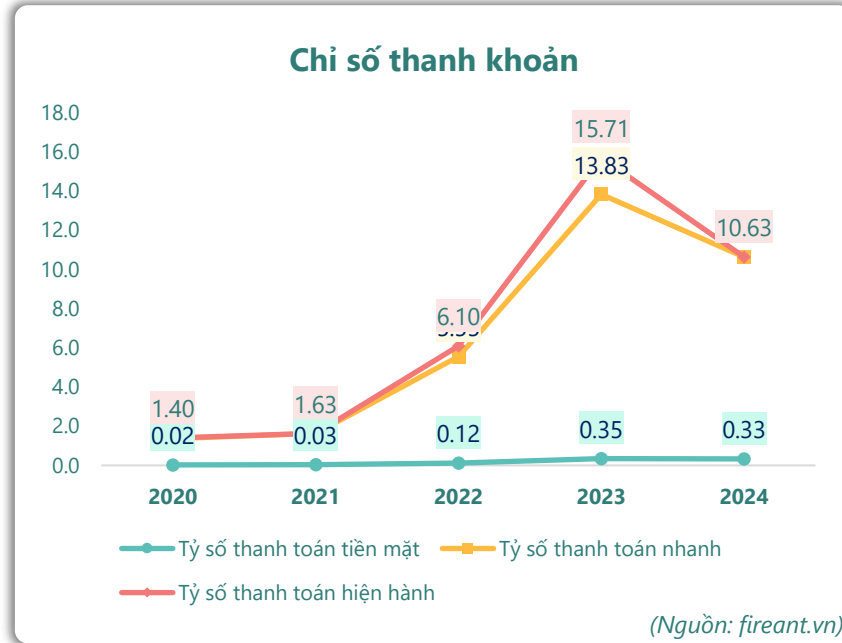
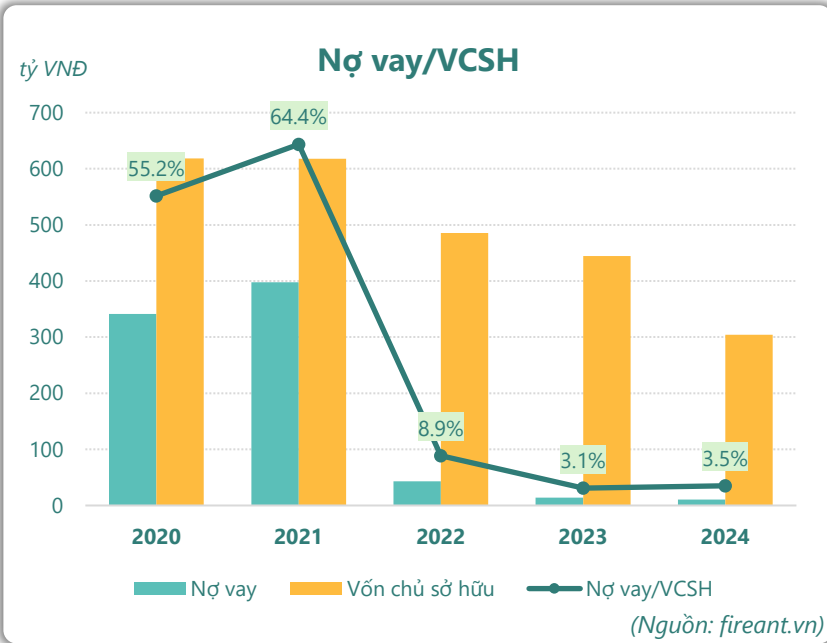
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.02	34.0	-99.9%	0.08	55.4	-99.9%
Giá vốn hàng bán	0.02	34.0	-99.9%	0.04	55.4	-99.9%
Lợi nhuận gộp	0.00	0.01	-83.6%	0.03	0.01	144%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.05	-5.1%	0.09	0.12	-18.6%
Chi phí TC	0.06	0.06	5.0%	0.09	0.13	-32.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.00	0.01	-54.8%	0.02	0.03	-33.3%
Chi phí QLDN	13.3	41.9	-68.2%	13.9	43.0	-67.7%
LN thuần từ HĐKD	-13.3	-42.0	68.2%	-13.9	-43.0	67.7%
Lợi nhuận khác	-0.18	0.00		-0.22	-1.71	87.1%
LN trước thuế	-13.5	-42.0	67.8%	-14.1	-44.7	68.5%
Lợi nhuận sau thuế	-13.5	-42.0	67.8%	-14.1	-49.0	71.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-13.5	-42.0	67.8%	-14.1	-49.0	71.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.90	-0.02	-0.20	-0.08	-0.11	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	2.30	0.16	0.05	0.05	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.82	-2.31	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	10.2	10.3	10.3	10.3	10.2	10.2
Lưu chuyển tiền thuần	0.16	-0.03	-0.04	-0.04	-0.06	0.09
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0.07	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	10.3	10.3	10.3	10.2	10.2	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	320	335	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	312	326	-4.4%
Tiền và tương đương tiền	10.3	10.2	0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	302	316	-4.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.02	158%
Tài sản dài hạn	8.31	8.62	-3.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.31	8.62	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-58.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	30.2	30.7	-1.5%
Nợ ngắn hạn	30.2	30.7	-1.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.6	10.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.43	7.21	3.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	290	304	-4.6%
Vốn chủ sở hữu	290	304	-4.6%
Vốn điều lệ	693	693	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

